

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 275/2022/DS-PT

Ngày: 17/11/2022

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Võ Ngọc Hải.

Các Thẩm phán: Trần Hữu Tính.

Lê Thị Hồng Tâm.

Thư ký Tòa án - ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Nhã – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 và 17 tháng 11 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 194/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 64/2022/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 280/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 436/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:*

1. Bà Hồ Kim H, sinh năm 1972 (có mặt).
 2. Ông Hồ Văn Bé H, sinh năm 1967 (có mặt).
- Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

** Bị đơn:*

1. Bà Trần Ánh K, sinh năm 1988 (vắng mặt).
 2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978 (vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang

** Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

** Nguyên đơn bà Hồ Kim H và ông Hồ Văn Bé H thống nhất trình bày:*

Ông bà và vợ chồng bà Trần Ánh K, ông Nguyễn Văn T là bà con với nhau, do vợ chồng bà K, ông T cần vốn làm ăn nên có hỏi vay ông bà các lần tiền cụ thể như sau:

Lần thứ nhất vào ngày 30 tháng 8 năm 2018 âm lịch bà K, ông T vay 150.000.000 đồng.

Lần thứ H vào ngày 30 tháng 12 năm 2018 âm lịch bà K, ông T vay 100.000.000 đồng.

Lần thứ ba vào ngày 21 tháng 5 năm 2019 âm lịch bà K, ông T vay 70.000.000 đồng.

Lần thứ tư vào ngày 14 tháng 7 năm 2019 âm lịch bà K, ông T vay 250.000.000 đồng.

Lần thứ năm vào ngày 30 tháng 7 năm 2019 âm lịch bà K, ông T vay 50.000.000 đồng.

Lần thứ sáu vào ngày 25 tháng 8 năm 2019 âm lịch bà K, ông T vay 50.000.000 đồng.

Lần thứ bảy vào ngày 07 tháng 9 năm 2019 âm lịch bà K, ông T vay 400.000.000 đồng.

Tổng cộng 07 lần vay bà K, ông T nợ ông bà tổng cộng 1.070.000.000 đồng, khi vay H bên thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, thời hạn vay không xác định, khi nào ông bà cần lấy lại tiền thì báo trước bà K, ông T sẽ trả lại ông bà ngay, khi nhận tiền bà K là người đại diện lập biên nhận cho ông bà làm cơ sở. Sau khi vay, ông T trả lãi cho ông bà đến tháng 11 năm 2019 thì ngưng, ông bà có yêu cầu bà K, ông T trả vốn và lãi thì ngày 25 tháng 3 năm 2020 ông T lập giấy nợ thừa nhận vợ chồng ông T có vay ông bà 07 lần tiền tổng cộng là 1.070.000.000 đồng và cam kết trả nợ cho ông bà nhưng không thực hiện. Nay ông bà yêu cầu bà K, ông T trả ông bà 1.070.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định từ tháng 12 năm 2019 đến ngày xét xử.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Vợ ông là bà Trần Ánh K có vay của bà Hồ Kim H và ông Hồ Văn Bé H số tiền là 1.070.000.000 đồng, sau khi vay tiền vợ ông bỏ đi đến ngày 25 tháng 3 năm 2020 có liên lạc về cho ông kêu ông ký giấy vay tiền của bà H và ông H rồi bà K sẽ gửi tiền về hàng tháng để trả nợ nhưng bà K không gửi tiền về cho ông trả nợ. Nay bà H, ông H yêu cầu bà K và ông trả 1.070.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định từ tháng 12 năm 2019 đến ngày xét xử ông không đồng ý vì ông không biết gì về số tiền này và không đủ khả năng trả nợ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2022/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Kim H và ông Hồ Văn Bé H. Buộc bà Trần Ánh K và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả bà Hồ Kim H và ông Hồ Văn Bé H số tiền vay tổng cộng là 1.060.000.000 đồng (một tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng), thực hiện trả mỗi tháng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến khi hết số tiền 1.060.000.000 đồng (một tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng).

Nếu bà Trần Ánh K và ông Nguyễn Văn T vi phạm nghĩa vụ trả nợ như trên thì bà Hồ Kim H và ông Hồ Văn Bé H có quyền yêu cầu bà K, ông T trả 01 lần số tiền nợ còn lại.

Ngoài ra bản án có tuyên về nghĩa vụ thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T không đủ điều kiện miễn án phí theo quy định Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn T.

Qua nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]: Về quan hệ pháp luật: Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn bà Trần Thị K và ông Nguyễn Văn T có địa chỉ tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T đúng theo quy định tại điều 270 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Xét bị đơn Trần Ánh K đã được Tòa án triệu tập lần thứ H nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đ và bà U.

[2] Xét nội dung ông T yêu cầu kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ theo hướng ông được miễn án phí sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy tại cấp sơ thẩm ông T có nộp đơn xin miễn án phí, lệ phí ghi ngày 23/5/2022. Tuy nhiên, ông T không thuộc trường hợp miễn án phí, lệ phí Tòa án theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Tại cấp phúc thẩm ông T không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh ông đủ điều kiện miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn T.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của không được chấp nhận nên bị đơn Nguyễn Văn T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 307, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Căn Cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T.

Giữ nguyên bản án dân sự số 64/2022/ DS-ST.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Kim H và ông Hồ Văn Bé H.

1.1 Buộc bà Trần Ánh K và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả bà Hồ Kim H và ông Hồ Văn Bé H số tiền vay tổng cộng là 1.060.000.000 đồng (một tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng), thực hiện trả mỗi tháng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến khi hết số tiền 1.060.000.000 đồng (một tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng).

1.2 Nếu bà Trần Ánh K và ông Nguyễn Văn T vi phạm nghĩa vụ trả nợ như trên thì bà Hồ Kim H và ông Hồ Văn Bé H có quyền yêu cầu bà K, ông T trả 01 lần số tiền nợ còn lại.

1.3 Kể từ ngày bà Hồ Kim H và ông Hồ Văn Bé H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Trần Ánh K và ông Nguyễn Văn T chậm thi hành đối với số tiền trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi của bà H, ông H đối với bà K, ông T.

3. Về án phí:

3.1 Bà Trần Ánh K và ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 43.800.000 đồng (bốn mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng).

3.2 Ông Nguyễn Văn T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 009920 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C ngày 10/6/2022 nên ông T đã nộp xong án phí phúc thẩm.

3.3 Bà Hồ Kim H và ông Hồ Văn Bé H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà H, ông H 22.050.000 đồng (H mươi H triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001056 ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Án tuyên và kết thúc vào lúc 09 giờ 30 ngày 17 tháng 11 năm 2022.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Công bố bản án trên cổng TTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Hải